

## Thuế xuất nhập khẩu

### Thuế suất

Biểu thuế suất thuế xuất khẩu và nhập khẩu thường xuyên thay đổi. Do đó các doanh nghiệp nên thường xuyên cập nhật biểu thuế suất mới nhất.

Thuế suất thuế nhập khẩu được chia thành 3 loại: thuế suất thông thường, thuế suất ưu đãi và thuế suất ưu đãi đặc biệt. Thuế suất ưu đãi được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước áp dụng Quy chế Tối huệ quốc (MFN, còn được gọi là Quan hệ Thương mại Bình thường) với Việt Nam. Các mức thuế suất MFN phù hợp với các cam kết của Việt Nam đối với WTO và được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên khác của WTO.

Thuế suất ưu đãi đặc biệt được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ những nước có hiệp định thương mại ưu đãi đặc biệt với Việt Nam. Việt Nam có các hiệp định thương mại ưu đãi đặc biệt với các nước thành viên ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Chile, Úc, New Zealand, và Liên minh hải quan Nga, Belarus, Kazakhtan. Việt Nam đã kết thúc đàm phán 02 hiệp định quan trọng với các thị trường lớn, đó là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu và đang trong quá trình đàm phán 04 hiệp định khác, bao gồm: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (CREP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – khối EFTA với Ai-xơ-len, Na Uy, Liechtenstein và Thụy Sĩ, Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hồng Kông, và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Israel.

Để có đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt, hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận Xuất xứ (C/O) phù hợp. Hàng hóa không có C/O hoặc có nguồn gốc từ các nước không thuộc diện được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu, thì sẽ chịu mức thuế suất thông thường (là thuế suất MFN cộng 50%).

### Cách tính thuế

Về nguyên tắc, Việt Nam tuân theo Hiệp định về xác định giá trị của WTO với một số điều chỉnh nhất định. Trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu thường dựa trên giá trị giao dịch (tức là giá đã trả hoặc phải trả cho hàng hóa nhập khẩu, và trong một số trường hợp cụ thể sẽ có điều chỉnh liên quan đến các yếu tố chịu thuế và không chịu thuế). Trong trường hợp giá trị giao dịch không được chấp nhận thì các phương pháp khác để tính giá trị hải quan sẽ được sử dụng.

Ngoài thuế nhập khẩu, một số sản phẩm nhập khẩu còn phải chịu thuế TTĐB. Các hàng hóa nhập khẩu cũng sẽ chịu thuế GTGT (trừ trường hợp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo pháp luật về thuế GTGT).

### Miễn thuế

Hàng hóa nhập khẩu cho các dự án nằm trong danh mục các lĩnh vực được khuyến khích đầu tư và một số trường hợp khác được miễn thuế nhập khẩu.

Các loại hàng hóa thuộc danh mục được miễn thuế nhập khẩu bao gồm:

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư xây dựng (trong nước chưa sản xuất được) nhập khẩu để tạo tài sản cố định của một số dự án;
- Nguyên liệu, phụ tùng, phụ kiện, vật tư khác, hàng mẫu, máy móc và thiết bị nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu và sản phẩm nhập khẩu để sử dụng trong gia công hàng hóa; Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu cho nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp không xuất khẩu hoặc dự kiến không xuất khẩu thành phẩm trong thời hạn 275 ngày thì Hải quan địa phương sẽ tạm tính thuế nhập khẩu đối với số nguyên liệu đó. Doanh nghiệp sẽ phải chịu nộp tiền chậm nộp trên số tiền thuế nộp chậm. Khi doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế tương ứng với phần nguyên liệu nhập khẩu đã dùng cho việc sản xuất hàng xuất khẩu;
- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dụng, nguyên vật liệu (trong nước chưa sản xuất được), thiết bị y tế và thiết bị văn phòng nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí.

### Hoàn thuế

Thuế nhập khẩu đã nộp có thể được hoàn lại trong một số trường hợp, bao gồm:

- Hàng hóa đã nộp thuế nhập khẩu nhưng thực tế không nhập khẩu;
- Nguyên liệu nhập khẩu chưa được sử dụng trong sản xuất và phải tái xuất cho chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang một nước thứ ba hoặc bán vào khu phi thuế quan;
- Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm.

### **Thuế xuất khẩu**

Chỉ có một số mặt hàng phải chịu thuế xuất khẩu, chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên như cát, đá phấn, đá cẩm thạch, đá granit, quặng, dầu thô, lâm sản, và phế liệu kim loại, v.v... Mức thuế suất giao động từ 0% đến 40%. Giá tính thuế xuất khẩu là giá FOB (Free On Board)/giá giao tại biên giới, tức là giá bán của hàng hóa tại cảng đi như được ghi trong hợp đồng, không bao gồm cước vận chuyển và phí bảo hiểm.

### **Kiểm tra**

Cơ quan hải quan có thể tiến hành kiểm tra sau thông quan tại văn phòng của cơ quan hải quan hoặc tại trụ sở của người nộp thuế. Hoạt động kiểm tra thường sẽ chú trọng vào các vấn đề như việc phân loại mã số HS, xác định trị giá hải quan, tuân thủ theo chính sách miễn/ hoãn nộp thuế xuất nhập khẩu đối với trường hợp xuất khẩu/ gia công và giấy chứng nhận xuất xứ.